

**Thông Điệp Của
Các Tổ Chức Phi Chính Phủ Quốc Tế
Tới Hội Nghị Nhóm Tư Vấn Các Nhà Tài Trợ**

**Hà Nội, Việt Nam
Ngày 7-8 tháng 12 năm 2010**

Thông điệp của các Tổ chức Phi chính phủ quốc tế tới Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ Hà Nội, Việt Nam, ngày 7-8 tháng 12 năm 2010

Lời giới thiệu

Hiện có gần 800 Tổ chức Phi chính phủ quốc tế (CPCPQT) thiết lập quan hệ với Việt Nam. Trong số đó, 700 tổ chức hiện đang triển khai các dự án trên khắp các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương trên lãnh thổ Việt Nam. Các Tổ chức PCPQT đã sát cánh cùng với Chính Phủ Việt Nam và các đối tác địa phương hoà vào sự phát triển nhanh chóng của đất nước. Các tổ chức CPCPQT tại Việt Nam thể hiện cam kết mạnh mẽ trong chia sẻ thông tin, thiết lập quan hệ đối tác và điều phối. Một phần quan trọng của những nỗ lực trên đạt được thông qua hỗ trợ và dịch vụ mà Trung Tâm Dữ liệu các Tổ chức Phi chính phủ thuộc Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (Trung tâm) cung cấp và các Nhóm làm việc hoạt động dưới sự bảo trợ của Trung tâm.

Thông điệp này là kết quả của các đối thoại được thực hiện qua mạng internet và qua các cuộc thảo luận tại các diễn đàn các Tổ chức PCPQT được tổ chức trong tháng 11 năm 2010. Thông điệp được đại diện của các Tổ chức PCPQT chuẩn bị cho Hội nghị tham vấn các nhà tài trợ và được hoàn thiện bởi Trung tâm Dữ liệu các Tổ chức Phi chính phủ. Đại diện các Tổ chức PCPQT sẽ tham gia Hội nghị gồm có:

- Kim N. B. Ninh, Trưởng đại diện, Quỹ Châu Á
- Thao Griffiths, Giám đốc quốc gia, Quỹ Cựu chiến binh Mỹ tại Việt Nam
- Stephen Price-Thomas, Giám đốc quốc gia, Tổ chức Oxfam Anh
- Peter Newsum, Giám đốc quốc gia, Tổ chức Care quốc tế
- Marko Lovrekovic, Giám đốc điều hành, Trung tâm Dữ liệu các Tổ chức Phi chính phủ

Thông điệp này tập hợp những quan điểm của cộng đồng các Tổ chức PCPQT về ba trong bốn lĩnh vực sẽ được bàn đến trong chương trình nghị sự của Hội nghị Nhóm tư vấn, gồm:

- Việt Nam với tư cách quốc gia có mức thu nhập trung bình – Thời cơ và thách thức chủ yếu
- Các ưu tiên cho phát triển bền vững
- Đảm bảo hòa nhập xã hội

Việt Nam với tư cách quốc gia có mức thu nhập trung bình: Các thời cơ và thách thức chủ yếu

Dựa trên số liệu năm 2009 về tổng thu nhập quốc gia bình quân đầu người (GNI), Ngân hàng Thế giới đã phân loại các nền kinh tế theo các nhóm: nhóm nền kinh tế có thu nhập thấp tại mức \$ 995 hoặc ít hơn, nhóm nền kinh tế có thu nhập trung bình tại mức từ \$ 996 - \$ 3,945 (trung bình thấp) và \$ 946 - \$ 12,195 (trung bình cao), và nền kinh tế có thu nhập cao tại mức \$ 12.196 hoặc nhiều hơn. GNI của Việt Nam năm 2009 là \$ 1,010, có nghĩa là Việt Nam mới chỉ ra nhập nhóm các nền kinh tế có mức thu nhập trung bình thấp. Tuy nhiên, năm vừa qua cũng là năm đối mặt với

nhieu lo ngại về “bẫy thu nhập trung bình”, là tình huống mà một quốc gia nghèo có thể đạt được vị thế nước có thu nhập trung bình nhưng không thể tiến đến sự thịnh vượng một cách thực sự trong xếp hạng thu nhập cao vì điều này thường đòi hỏi một cuộc đại tu đối với mô hình tăng trưởng kinh tế hiện tại.

Trong một vài năm qua, Chính phủ và công chúng trở nên lo ngại hơn khi sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng cũng làm trầm trọng thêm những yếu điểm cơ bản về thể chế và tạo ra những thách thức mới, từ sự bất bình đẳng xã hội đến thiếu các dịch vụ công và sự ra tăng về ô nhiễm. Ra tăng công nghiệp hoá dẫn đến mất đất nông nghiệp. Trong khi đó ngành giáo dục đang phải đối đầu với thách thức làm sao để đào tạo nhiều hơn nữa công nhân lành nghề cho các nhà máy và làm thế nào để đáp ứng được tham vọng lớn hơn của đất nước là trở thành một quốc gia ổn định và thịnh vượng. Những cuộc đối thoại và thảo luận về phát triển ở Việt Nam ngày càng ít bàn về tăng trưởng nhưng lại tăng lên về tăng trưởng bền vững, chú trọng đến chất hơn là lượng và tầm quan trọng của những sáng kiến từ đổi mới phương pháp dạy học đến các hoạt động kinh doanh và những kinh nghiệm quản trị công tốt là những yếu tố sẽ giúp Việt Nam cải thiện chỉ số cạnh tranh của mình.

Việc Đảng và Chính phủ Việt Nam đang soạn thảo Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội cho giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội từ 2011-2020 đã chỉ ra một nhận thức mạnh mẽ rằng đất nước cần những thể chế và bài học mới để đảm bảo tiếp tục tăng trưởng và xác lập vị thế trong vùng và trên thế giới. Nhưng tiến trình thiết lập thể chế và thực tiễn để hỗ trợ giai đoạn phát triển mới của Việt Nam đòi hỏi thời gian. Sự thành công của nó đòi hỏi Nhà nước không chỉ mở cửa hơn nữa thị trường, mà còn đòi hỏi một mức độ cao hơn sự đồng thuận xã hội về yếu tố đảm bảo quản trị công hiệu quả hơn và phát triển bền vững cho Việt Nam. Về khía cạnh này, vai trò của Nhà nước và mối quan hệ giữa Nhà nước – Xã hội cần được chuyển đổi để đáp ứng những thách thức trong giai đoạn tiếp theo của cải cách khi Việt Nam đang tìm kiếm sự bền vững và ra tăng vị thế khi sự thực là một quốc gia có thu nhập trung bình hoàn toàn có khả năng đạt được sự tăng trưởng bền vững và thịnh vượng thực sự.

Vượt qua cái bẫy thu nhập trung bình trở nên vô cùng khó khăn đối với rất nhiều quốc gia và có thể mất rất nhiều năm, thậm chí hàng thập kỷ để có thể đạt được. Thập kỷ tới sẽ rất quan trọng đối với Việt Nam trong bối cảnh này. Do đó, những nỗ lực quan trọng vẫn là rất cần thiết đối với Việt Nam để hỗ trợ cải cách thể chế và làm mới lại chính sách, và để giải quyết những thách thức chủ yếu về kinh tế-xã hội. Do đó, có thể là chưa chín muồi để cộng đồng quốc tế rút ra khỏi tiến trình phát triển của Việt Nam hiện đang ở thời khắc quan trọng, vốn đòi hỏi sự điều phối chính sách một cách hiệu quả, trách nhiệm giải trình và sự minh bạch hơn nữa, và sự tham gia của xã hội dân sự vào tiến trình phát triển.

Thông điệp chủ chốt số 1: Kinh nghiệm có thể so sánh ở khu vực Đông và Đông Nam Á đã cho thấy các nền kinh tế thành công bước đầu dựa vào lực lượng lao động phổ thông dồi dào, các ngành công nghiệp hướng vào xuất khẩu là yếu tố đảm bảo tăng trưởng nhanh về việc làm và duy trì sự cân bằng giữa tăng năng xuất và việc làm. Nhưng điều tạo nên sự khác biệt lại là cung cấp những lao động được đào tạo có tay nghề để theo kịp với, thậm chí trước cả nhu cầu về lao động, để tránh sự tăng trưởng chậm lại và bất công bằng về thu nhập. Một hệ thống giáo dục hiệu quả (bao gồm cả giáo dục dạy nghề) đáp ứng được nhu cầu của thị trường và sự thay

đổi của xã hội sẽ là chìa khoá thành công và Chính phủ Việt Nam cần đặt nhiều hơn nữa nỗ lực vào đầu tư và cải tổ ngành giáo dục

Thông điệp chủ chốt số 2: Chính sách về thị trường lao động cần khuyến khích di chuyển lao động và linh hoạt để nhanh chóng thích ứng với sự thay đổi đang diễn ra của thị trường và để hấp thu thặng dư lao động. Sự ra tăng khoảng cách giữa nông thôn và thành thị ở Việt nam một phần do quan điểm hà khắc hơn về di cư nội địa, điều vốn gây phát sinh chi phí lớn cho lực lượng lao động tại nông thôn khi muốn ra nhập lực lượng lao động trong các nhà máy, là một ví dụ. Và chưa hết, sự chuyển đổi của lực lượng lao động từ các trang trại đến các nhà máy cần diễn ra theo mức độ nhanh hơn và thuận lợi hơn. Do đó, Chính phủ nên cho phép sự di chuyển lớn hơn của lực lượng lao động và hỗ trợ những công nhân nhập cư tiếp cận đến những dịch vụ xã hội công khi họ cần những dịch vụ này trong cuộc sống hàng ngày và trong công việc, như nhà ở, chăm sóc y tế và giáo dục cho con em của họ.

Thông điệp chủ chốt số 3: Sự cân bằng giữa các loại hình doanh nghiệp khác nhau và mức độ khác nhau về năng xuất lao động là cần thiết, như vậy để tránh tình trạng có ít người làm trong các lĩnh vực công nghệ cao hoặc có quá ít người làm trong những công việc có thu nhập thấp. Nếu không sẽ tồn tại nguy cơ “thiếu phần giữa” vốn có vai trò quan trọng để tạo sự công bằng về phân phối thu nhập và để có thể chống đỡ tốt hơn với những cú sốc của thị trường. Liên quan đến vấn đề này, các doanh nghiệp tư nhân Việt nam hiện đang không có lợi thế trong tiếp cận đất, tín dụng và thị trường khi so sánh với những lợi thế/cơ chế khuyến khích hấp dẫn mà các doanh nghiệp nhà nước đang nhận được. Sự phá sản của tập đoàn Vinashin đã cho thấy một ví dụ điển hình về những tổn thất không tính hết gây ra đối với những nguồn quỹ công và quá ít trách nhiệm giải trình. Minh bạch và trách nhiệm giải trình và mức độ sân chơi giữa lĩnh vực tư nhân và lĩnh vực nhà nước sẽ thúc đẩy cạnh tranh về năng xuất và sử dụng hiệu quả hơn nữa các nguồn đầu tư công cho tăng sức cạnh tranh của Việt Nam.

Thông điệp chủ chốt số 4: Quá trình đô thị hoá đang ra tăng đã dẫn đến tắc đường, ô nhiễm không khí và khả năng không đáp ứng đủ về nhà ở và tạo ra sự dư thừa lao động nông thôn. Sự ra tăng quá trình công nghiệp hoá đã chuyển đất cho sản xuất nông nghiệp thành đất cho các khu kinh tế trong khi những dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục, chăm sóc y tế và nước sạch bị tụt lại đằng sau so với việc cung cấp các dịch vụ này ở các thành phố. Điều đó dẫn đến việc Chính phủ cần nỗ lực áp dụng cách tiếp cận lồng ghép đối với phát triển nông thôn và đô thị.

Thông điệp chủ chốt số 5: Sự xuống cấp về môi trường đã có những ảnh hưởng rõ rệt đến tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh. Các dòng sông đang chết đi trong khi nước thải được thải trực tiếp từ những khu công nghiệp ra những dòng sông. Tình trạng đốn gỗ khai thác rừng đã làm trầm trọng hơn tác động của lũ lụt và bão, sự ô nhiễm đất của các trang trại nông nghiệp do sự mọc lên của các nhà máy bên cạnh đó và sự ra tăng các nguy cơ về sức khoẻ cộng đồng - Việt nam đang trải qua những vấn đề nghiêm trọng về môi trường trong khi thiếu những quy định về môi trường và thiếu sự giám sát và tăng cường hiệu lực thi hành từ Chính Phủ. Đầu tư và trách nhiệm về môi trường thường được thực hiện bởi các Bộ khác nhau mà ít được điều phối. Chúng tôi khẩn thiết đề nghị cần có sự điều phối hơn nữa trong các kế hoạch của Chính phủ để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường.

Thông điệp chủ chốt số 6: Những thách thức chính mà Việt Nam đang đối mặt,

một vài trong số đó được nhắc đến ở phần trên, là sự phức tạp và đòi hỏi Chính phủ và xã hội cần hợp lực cùng nhau để tìm ra và điều chỉnh các giải pháp cho thích ứng với bối cảnh Việt Nam và để có thể đạt được một tầm nhìn đồng thuận và thống nhất cho đất nước, để đảm bảo các chính sách sẽ trở nên hiệu quả và có thể thực hiện và để hỗ trợ những nỗ lực mà Đảng và Chính phủ nhằm giải quyết các vấn đề về tham nhũng, cải cách hành chính và giảm nghèo. Nhà nước cần kết nối các sáng kiến và công sức của toàn xã hội nếu Việt Nam muốn duy trì vị thế quốc gia có thu nhập trung bình của mình. Tuy nhiên, những quy định hành chính gần đây đã gây khó khăn hơn cho sự phát triển mạnh mẽ của các tổ chức Phi chính phủ Việt Nam và để họ tham gia vào quá trình phát triển đất nước. Chúng tôi kêu gọi Chính phủ nên tận dụng một cách có ý nghĩa sự tham gia của xã hội dân sự trong quá trình phát triển của Việt Nam và tạo lập môi trường tốt hơn nữa để các tổ chức Phi chính phủ Việt Nam góp phần vào sự chuyển đổi hơn nữa về kinh tế-xã hội của đất nước.

Các ưu tiên cho phát triển bền vững

Bảo vệ môi trường trong sự tăng trưởng nhanh chóng

Việt Nam hiện tại không nhiều thí ít tự túc về năng lượng và lương thực. Đây là một quốc gia với lượng khí thải carbon tương đối thấp. Điều quan trọng là Việt Nam tận dụng lợi thế từ những điều kiện này và giữ mức khí thải carbon ở mức thấp trong quá trình phát triển đất nước, hơn là cố gắng giảm lượng khí thải khi chúng đã chạm đến mức độ cao không cho phép. Việt Nam hiện đang trải qua quá trình phát triển không song song trong lịch sử với tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và khỏe mạnh, đang đặt những áp lực rất lớn lên môi trường tự nhiên. Cùng lúc đó, Việt Nam lại là quốc gia dễ bị tổn thương với những hệ quả từ biến đổi khí hậu. Mối đe dọa chính về môi trường của Việt Nam là khai thác rừng quá mức, mất đất canh tác, nước và ô nhiễm không khí và sự xuống cấp của khu vực ven biển.

Bảy mươi phần trăm người dân Việt Nam kiếm sống nhờ đất đai, điều này khiến họ lệ thuộc trực tiếp vào chất lượng và tính sẵn có của nguồn lực tự nhiên. Cùng lúc đó, có những yếu tố đặt áp lực lên vấn đề môi trường của Việt Nam như: sự ra tăng về dân số, ra tăng đô thị hóa và tăng trưởng kinh tế nhanh. Việt Nam đã thể hiện cam kết mạnh mẽ về bảo vệ môi trường và đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc đảm bảo sự bền vững về môi trường vốn là một trong tám mục tiêu Thiên niên kỷ. Các tổ chức PCPQT đánh giá cao việc Chính phủ đưa phát triển bền vững như một trong năm định hướng của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2011-2020.

Sự phát triển nhanh về kinh tế của Việt Nam cũng khiến cho nhu cầu về năng lượng ra tăng và kéo theo là áp lực lên môi trường và nguồn lực tự nhiên. Với những chính sách chủ động và có mục đích và những sáng kiến đúng đắn để khuyến khích sử dụng năng lượng có thể tái tạo nhằm bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, Việt Nam vẫn còn có một cơ hội để tiếp tục tốc độ tăng trưởng trong khi giảm thiểu tối đa sự xuống cấp về môi trường.

Năng lượng tái tạo, cụ thể là năng lượng gió, mặt trời và khí hydro và năng lượng thủy triều, có thể giúp đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng lên về năng lượng cho Việt Nam trong khi cùng lúc có thể tránh thải khí carbon vốn góp phần gây ra biến đổi khí hậu. Đây là điều hoàn toàn có khả năng mở rộng từ quy mô nhỏ đến quy mô

công nghiệp hóa và như vậy có thể đáp ứng được nhu cầu của cả các hộ gia đình, trường học, bệnh viện, thôn xóm và có thể hòa nhập mạng lưới điện quốc gia. Bảo vệ rừng quốc gia là biện pháp hấp thụ lượng khí thải carbon và bảo vệ môi trường sống của các cộng đồng thường xuyên dễ bị tổn thương vốn phụ thuộc vào các sản phẩm từ rừng. Năng lượng có thể tái tạo và bảo vệ rừng, cả hai có thể tạo ra nguồn thu nhập cho đất nước thông qua bán tín dụng carbon. Du lịch sinh thái, một phần dựa vào sự bảo tồn các nguồn đa dạng sinh học của đất nước có thể đem lại nguồn thu nhập cho du lịch. Ưu đãi và các chính sách cần được hỗ trợ bằng các quy định có hiệu lực thi hành.

Để duy trì những thành tựu ban đầu về môi trường bền vững, hiện có một số lĩnh vực cần nhận được sự chú ý hơn nữa

Thông điệp chủ chốt số 1: Chính phủ cần thể hiện cam kết mạnh mẽ hơn nữa trong tăng cường hiệu lực của luật về môi trường để tránh sự xuống cấp hơn nữa của môi trường.

Thông điệp chủ chốt số 2: Chính phủ cần thiết lập một cơ quan cấp quốc gia có vai trò và nhiệm vụ theo dõi công tác bảo vệ đa dạng sinh học xuyên suốt giữa các bộ ngành (ngoài Bộ NN&PTNT) nhằm đảm bảo các mục tiêu chính về đa dạng sinh học được triển khai một cách có hiệu quả. Điều này cũng đảm bảo sự tham gia một cách đúng đắn của các cộng đồng địa phương và duy trì sự kết nối giữa bảo tồn và giảm nghèo.

Thông điệp chủ chốt số 3: Chính phủ cần đưa ra một chiến lược tổng thể ứng phó với biến đổi khí hậu với mục tiêu dài hạn về thích ứng cũng như phát thải khí nhà kính. Đặt mục tiêu một nền kinh tế ít carbon và cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng cũng quan trọng như lập kế hoạch nền kinh tế.

Thông điệp chủ chốt số 4: Chính phủ nên công nhận động vật hoang dã là một phần của đa dạng sinh học phong phú của Việt Nam và mua bán động vật hoang dã bất hợp pháp là nguyên nhân chính làm mất đa dạng sinh học rừng. Chính phủ cần đưa ra một cam kết mạnh mẽ hơn để tăng hiệu lực thi hành pháp luật bảo vệ động vật hoang dã tránh tình trạng mất đa dạng sinh học hơn nữa. Hiện nay, việc thực thi pháp luật về cấm buôn bán trái phép động vật hoang dã của một số cơ quan Chính phủ còn rất hạn chế. Mặc dù Việt Nam đã ban hành luật cấm buôn bán động vật hoang dã nhưng trong khá nhiều trường hợp thì luật chưa được thực hiện.

Cần một cách tiếp cận chiến lược hơn về ngân sách cho biến đổi khí hậu

Là một trong những nước bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi biến đổi khí hậu trên thế giới, Việt Nam đã bắt tay vào xây dựng các kế hoạch từ năm 2008, bắt đầu bằng việc xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (CTMTQG-BĐKH). Chương trình này có mục đích giúp các Bộ xây dựng kế hoạch hành động, bao gồm cả lồng ghép biến đổi khí hậu vào các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KHPTKT-XH). Tuy nhiên, các tiến bộ mới chỉ đạt được một cách rất hạn chế, phần lớn các kế hoạch thiếu sự phân tích cần thiết, thiếu mục tiêu hoặc chiến lược để giải quyết vấn đề thích ứng hoặc giảm nhẹ. Thông qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chính phủ đã có những nỗ lực để lồng ghép biến đổi khí hậu trong Kế hoạch PTKT-XH mới (2011-2015), đây được coi là một bước quan trọng đúng hướng.

Trong bối cảnh có những tranh luận đang diễn ra liên quan đến khuôn khổ ưu việt ở cấp độ quốc tế về giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, các mô hình cung cấp tài chính và sự quan trọng phải có những hành động sớm đối phó với biến đổi khí hậu, dưới đây là một số điểm quan trọng cần được xem xét

Thông điệp chủ chốt số 1: Cần tôn trọng những cam kết về hiệu quả viện trợ và các cơ chế cung cấp tài chính ứng phó với biến đổi khí hậu cần sử dụng những mô hình cung cấp tài chính hiện đang tồn tại tại Việt Nam. Các mô hình hỗ trợ kinh phí cần theo sát những cam kết trước đó của Tuyên bố chung Hà Nội về Hiệu quả viện trợ.

Thông điệp chủ chốt số 2: Chính phủ nên đưa ra cơ cấu hiệu quả và minh bạch để nhận và quản lý các nguồn tài trợ từ các nguồn hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu, chẳng hạn như từ Quỹ thích ứng

Thông điệp chủ chốt số 3: Chính phủ và xã hội dân sự nên phối hợp với các đối tác khu vực và toàn cầu để đảm bảo việc tiếp nhận các nguồn tài chính hỗ trợ cho ứng phó với biến đổi khí hậu một cách khôn ngoan và đúng đắn. Cụ thể là Việt Nam cần xem xét nhu cầu để các nguồn tài chính cho các hoạt động thích ứng nên được nhận dưới dạng viện trợ hơn là một khoản vay.

Thông điệp chủ chốt số 4: Đảm bảo mối liên kết giữa chính phủ, các nhà tài trợ, xã hội dân sự và khu vực tư nhân để hỗ trợ chia sẻ kiến thức, phối hợp và hợp tác.

Thông điệp chủ chốt số 5: Chính phủ, và đặc biệt là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường nên hướng tới một tiến trình có hiệu quả hơn, cho phép cộng đồng địa phương, và đặc biệt là những người nghèo nhất và nhóm dễ bị tổn thương nhất, đặc biệt là phụ nữ, được trao quyền trong mọi công đoạn của quy trình và thực hiện kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm cả đàm phán về ngân sách. Kế hoạch phải dựa trên phân tích tính dễ tổn thương của con người, và đảm bảo những nhóm dân cư dễ bị tổn thương nhất sẽ là đối tượng mục tiêu.

Thông điệp chủ chốt số 6: Hiện đang có một khoảng cách giữa lượng tiền tài trợ cho ứng phó với biến đổi khí hậu ở cấp trung ương và nguồn hỗ trợ cho cấp thực hiện tại địa phương thông qua xã hội dân sự. Nên có một sự cân bằng thích hợp giữa hai đối tượng trên. Điều này sẽ giúp đảm bảo quá trình học hỏi, cũng như tăng tính sở hữu, bền vững và trách nhiệm giải trình tại các cấp địa phương

Thông điệp chủ chốt số 7: Lãnh đạo và trách nhiệm giải trình đối với các nhóm dễ bị tổn thương chỉ có thể được đảm bảo khi có sự hỗ trợ của một mạng lưới với những nỗ lực chung của các bên liên quan từ cấp vĩ mô đến vi mô. Trao quyền quản lý nên là một mục tiêu để xây dựng năng lực quản lý sẽ được thực hiện ở tất cả các cấp, đặc biệt là ở cấp xã và cấp thôn bản.

Thông điệp chủ chốt số 8: Các nhà tài trợ cần đảm bảo rằng tất cả các cơ chế tài trợ có biện pháp bảo vệ đủ, cho phép người nghèo và những nhóm dễ bị tổn thương, gồm cả phụ nữ, để bảo vệ quyền xã hội, kinh tế và môi trường của họ. Theo đó, các nguồn kinh phí tài trợ cho ứng phó với biến đổi khí hậu nên đặt mục tiêu rõ

ràng về giảm sự bất bình đẳng, bao gồm cả sự bất bình đẳng giới.

Thông điệp chủ chốt số 9: Giám sát và đánh giá nên tập trung không chỉ vào ma trận chính sách. Cần phải theo dõi tác động của biến đổi khí hậu bao gồm cả tác động chia theo giới, đặc biệt đối với nhóm nghèo và dễ bị tổn thương nhất và hiệu quả của những sáng kiến nhằm giải quyết những tác động này.

Đảm bảo hòa nhập xã hội

Việt Nam đã đạt được những thành tựu lớn trong giảm nghèo. Tuy nhiên, tỷ lệ giảm nghèo đang chậm lại, nghèo đói và mù chữ vẫn là những vấn đề vẫn hiện diện tại những xã nghèo nhất. Vấn đề nghèo tại nông thôn hiện nay đang tập trung tại những “túi nghèo” trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi với những tính chất khác nhau trong những nhóm dân tộc thiểu số, thôn bản và hộ gia đình khác nhau. Có sự khác biệt giữa hai nhóm “nghèo kinh niên” và “nghèo tạm thời” về cơ hội việc làm và khả năng kiếm sống. Các giải pháp cụ thể cần được lồng ghép trong một hệ thống toàn diện về an sinh xã hội cho vùng nông thôn. Sự ra tăng số hộ cận nghèo đòi hỏi những hỗ trợ hơn nữa để đảm bảo họ sẽ không tái nghèo.

Nghèo đói là đa chiều, phản ánh vào thu nhập (chi tiêu) và tiêu chí phi thu nhập. Sự vắng bóng các thước đo nghèo đa chiều đã gây cản trở cho việc xây dựng các chính sách hỗ trợ thích hợp cho các nhóm mục tiêu cụ thể. Ví dụ, đối với những khu vực chịu hậu quả chiến tranh như chất độc da cam và khu vực ô nhiễm bom mìn tạo ra những hậu quả không cân xứng đối với người dân sinh sống trong những vùng bị ảnh hưởng, như số người khuyết tật cao và điều kiện sống không an toàn cho người dân ở những vùng bị ảnh hưởng nặng.

Sự bất bình đẳng ngày càng tăng tại Việt Nam, thể hiện chính qua bất bình đẳng về thu nhập giữa các nhóm dân tộc khác nhau và bất bình đẳng giới. Có nhiều nguyên nhân khiến một số nhóm dân tộc thiểu số có thủ trong nghèo đói, mặc dù về nguyên tắc, nguyên nhân chính liên quan đến lượng giáo dục, tiếp cận với các nguồn tài nguyên thiên nhiên và sự kỳ thị và phân biệt đối xử. Ngoài ra, độ sâu của nghèo đói mà các nhóm dân tộc thiểu số gặp phải cũng thể hiện họ thuộc đối tượng dễ bị tổn thương nhất đối với những thay đổi trong môi trường sống của họ, những thay đổi mà biến đổi khí hậu đã gây ra.

Kỳ thị và phân biệt đối xử là một yếu tố quan trọng trong việc xác định kết quả phát triển và phổ biến tại Việt Nam giữa các nhóm dân tộc và đối với người tàn tật. Nhóm nghèo dân tộc thiểu số thường được xem là lạc hậu, thiếu văn minh, ngay cả ở những người có mục đích giúp đỡ họ. Kết quả là chính sách được hình thành theo cách coi người dân tộc thiểu số là nạn nhân bị động hơn là tác nhân thay đổi. Tất cả mọi người cần tiến trình phát triển riêng của họ. Do đó, điều quan trọng cần giới thiệu một cách tiếp cận mới trong xóa đói giảm nghèo cho phép người dân tộc thiểu số nghèo và người khuyết tật tham gia đầy đủ trong quá trình phát triển, và nhận ra rằng không có một chính sách phù hợp với tất cả. Các tổ chức PCPQT sẵn sàng chia sẻ những kinh nghiệm tích cực, ví dụ như hỗ trợ của các doanh nghiệp dân tộc thiểu số. Các tổ chức phi chính phủ địa phương cũng có những kiến thức và kinh nghiệm quý báu: sẽ dễ hơn để khai thác những kinh nghiệm này nếu tạo ra một khuôn khổ hỗ trợ và tạo điều kiện cho chức phi chính phủ Việt Nam.

Chúng tôi đề nghị Chính phủ và các nhà tài trợ xem xét một cách tiếp cận nhạy cảm văn hóa xem xét kiến thức bản địa và các quyền của người dân tộc thiểu số ở vị trí trung tâm của sự phát triển của họ. Các chương trình năm năm mới về giảm nghèo như Chương trình 135 và Chương trình 30A nên tạo cơ hội để áp dụng cách tiếp cận này và nên bao gồm những ưu tiên sau đây:

- Nâng cao năng lực cho các quan chức chính phủ về đa dạng văn hóa và quyền;
- Xây dựng và thực thi các chính sách bảo vệ quyền người dân tộc thiểu số được tiếp cận đến và quản lý các nguồn tài nguyên quan trọng đối với họ như rừng, đất đai và vùng thượng nguồn;
- Tăng cường xây dựng và thực hiện chính sách phát triển giáo dục song ngữ và giáo dục dựa trên tiếng mẹ đẻ
- Bổ sung trọng tâm vào chất lượng kết quả đầu ra bên cạnh tỷ lệ tham gia. An nhấn mạnh vào chất lượng của kết quả, thêm vào tỷ lệ tham gia.

Thông điệp chủ chốt số 1: Sử dụng phương pháp tiếp cận đối nghèo đa chiều với những tiêu chí phi thu nhập như nguồn nhân lực, tài sản, an toàn về vật chất và tiếp cận đến các dịch vụ được hỗ trợ. Một số chính sách hỗ trợ không nhất thiết phải gắn liền với thu nhập nhưng thay vì đó gắn với nghèo phi thu nhập. Cách tiếp cận nghèo đa chiều có thể giúp đẩy mạnh phân cấp và trao quyền ở cấp cơ sở trong việc xác định đối tượng của từng chương trình và chính sách hỗ trợ, trong khi vẫn giữ chúng dưới sự hướng dẫn và giám sát của các cấp hành chính cao hơn.

Thông điệp chủ chốt số 2: Cung cấp hỗ trợ đồng bộ cho việc phát triển nguồn nhân lực của người nghèo vùng dân tộc miền núi trong năm lĩnh vực: giáo dục cho trẻ em, kỹ năng ngôn ngữ tiếng Việt, dạy nghề, dịch vụ khuyến nông cho người lớn, và tái hòa nhập xã hội và kinh tế cho người khuyết tật. Về giáo dục cho trẻ em, cần những hỗ trợ mạnh mẽ hơn cho các trường bán trú ("bán trú dân nuôi") mà không có sự phân biệt đối xử giữa các học sinh nghèo và không nghèo, và cho việc đào tạo và khuyến khích mạng lưới "trợ giảng" làm việc tại các vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Thông điệp chủ chốt số 3: Trong khuôn khổ chiến lược toàn diện về an sinh xã hội cho vùng nông thôn Việt nam và Tầm nhìn đến năm 2020, các chính sách đặt trọng tâm mở rộng khả năng tiếp cận và tăng các hỗ trợ của Chính phủ cho các nhóm yếu thế/dễ bị tổn thương nên được lồng ghép, bao gồm các biện pháp hỗ trợ cho các gia đình nông thôn tại các huyện nghèo nhất trong Chương trình 30A. Đề xuất

Thông điệp chủ chốt số 4: Thiết kế một chương trình giảm nghèo trong mối liên hệ chặt chẽ với chiến lược bảo trợ xã hội tổng thể vùng nông thôn, nhấn mạnh đến các biện pháp hỗ trợ xã hội cho nhóm nghèo kinh niên và hỗ trợ những biện pháp sinh kế bền vững cho đối tượng nghèo tạm thời. Nên bổ sung ma trận chính vào bản thảo đề xuất chiến lược tổng thể về bảo trợ xã hội cho các vùng nông thôn tại Việt Nam tầm nhìn 2020. Ma trận này nên xác định rõ những nhóm cần hỗ trợ, chính sách cần tầm nhìn hoặc cần được bổ sung và những hình thức phù hợp để thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Các chính sách được bổ sung cũng cần hỗ trợ các hộ cận nghèo, đặc biệt là nhóm vừa thoát nghèo để đạt được giảm nghèo bền vững và để giải quyết những hậu quả do chiến tranh để lại cho các cộng đồng bị ảnh hưởng lớn.

Thông điệp chính số 5: Xây dựng một khuôn khổ chính sách bảo trợ xã hội tổng thể cho vùng đô thị. Hệ thống bảo trợ xã hội như vậy nên tập trung vào những nhóm cụ thể có đặc điểm nghèo đa chiều (mặc dù không cần phải phân loại nghèo như cách đo lường nghèo đơn chiều “thu nhập”/chi phí) và nhập cư như đã trình bày trong hai đề xuất trên đây. Cung cấp trợ giúp thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo nội dung Nghị định số 67/CP nên được mở rộng diện hỗ trợ cho các nhóm “nghèo phần cứng” (nghèo cùng cực và nghèo kinh niên) tại những vùng đô thị và giúp họ duy trì một mức sống cơ bản

Thông điệp chính số 6: Phân loại nghèo nên tập trung nguồn lực vào những nhóm yếu thế nhất khi chuẩn nghèo đang tăng lên tại các vùng đô thị. Đầu năm 2009, chuẩn nghèo tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh tăng đã dẫn đến một số lớn các hộ tái nghèo. Với sự hạn chế về nguồn lực, cần thiết phải phân loại các hộ nghèo thành những nhóm khác nhau nhằm đưa ra những quyết sách phù hợp cho mỗi mức độ nghèo. Lập kế hoạch một cách chiến lược và cẩn trọng là cần thiết đối với những chương trình giảm nghèo hỗ trợ các vùng đô thị. Người nhập cư, vốn là những đối tượng dễ bị tổn thương nhất, hiện chưa được coi là một nhóm, cấp thiết cần phải được xem xét đưa vào nhóm đối tượng nghèo. Những tỉnh và thành phố khác có thể học được những bài học vô giá từ kinh nghiệm của Thành phố Hồ Chí Minh, cho phép xem xét những đối tượng nhập cư tạm thời dài hạn và phân loại các hộ nghèo thành hai nhóm nhằm có những chính sách bảo trợ xã hội phù hợp cho mỗi nhóm.

Thông điệp chính số 7: Hướng dẫn thực hiện chuẩn nghèo mới cho giai đoạn 2011-2015, vốn cao gấp đôi so với chuẩn nghèo trước đây (cho giai đoạn 2006-2010), sẽ dẫn đến sự ra tăng số hộ nghèo và bắt đầu một chu kỳ giảm nghèo mới. Theo hướng này, mỗi tỉnh và thành phố sẽ phải cân nhắc liệu có tiếp tục tăng chuẩn nghèo của địa phương đó hay không. Những thành phố như Hà Nội và Hải Phòng chắc chắn sẽ phải rà soát lại chuẩn nghèo hiện tại (bởi vì) chuẩn nghèo hiện tại của hai địa phương này, qua lần cập nhật gần đây, sẽ thấp hơn so với chuẩn nghèo mới.